

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – HUẾ
THÀNH PHỐ HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **165/2026/HS-ST**
Ngày: 29 – 6 – 2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Sinh và bà Mai Thị Toán.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Linh, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Huế, thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Huế tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Duy Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 136/2026/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2026/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2026, đối với bị cáo:

Lê Quý K; Sinh ngày 25/9/1998 tại Thành phố Huế; Nơi cư trú: Tổ dân phố 4X, phường T, thành phố H; CCCD số: 04609800XXXX; cấp ngày 25 tháng 01 năm 2022; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Quý C, sinh năm 1967 và bà Ngô Thị B, sinh năm 1972; Vợ, con: Chưa có; tiền sự: có 01 (Ngày 12/4/2024, bị Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng theo Quyết định số 03/2024/QĐ-TA); tiền án: Không.

Về nhân thân:

- Ngày 02/3/2024, bị Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh T (cũ) áp dụng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo Quyết định số 47/QĐ-UBND.

- Ngày 22/3/2024, Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh T (cũ) ra quyết định chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo Quyết định số 58/QĐ-UBND.

- Ngày 04/9/2025, bị Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H áp dụng quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú theo Quyết định số 914/QĐ-UBND, với thời hạn quản lý từ ngày 04/9/2025 đến ngày 04/9/2027.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/3/2026 cho đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Quý K là đối tượng thuộc diện quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú theo Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 04/9/2025 với thời hạn 02 năm (kể từ ngày 04/9/2025 đến 04/9/2027) của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H.

Khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 18/01/2026, Lê Quý K đi xe ôm từ nhà đến khu vực gần bến xe phía Bắc đoạn đường N, phường H, thành phố H để rủ bạn đi chơi nhưng không gặp nên K đi về. Khi đang đi trên đường N, phường H, thành phố H thì K thấy một người đàn ông không rõ nhân thân, lái lịch đang điều khiển xe máy hiệu AirBlade màu đen (không nhớ biển số) đang bán ma túy cho một người khác. Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên K đã tiếp cận và hỏi mua từ người đàn ông này 01 (một) gói tinh thể màu trắng, dạng ma túy đá đựng trong gói ni-lông màu trắng với giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Sau khi mua được ma túy, K đi xe ôm về lại nhà. Tại đây, K lấy giấy bạc bỏ ma túy vừa mua được vào rồi cuộn lại và bật máy lửa đốt nóng lên để sử dụng bằng cách dùng miệng hút. Sau khi sử dụng hết số ma túy đã mua thì K vứt toàn bộ dụng cụ nói trên vào thùng rác trước cổng nhà tại tổ dân phố 4X, phường T, thành phố H.

Ngày 23/01/2026, Công an phường T, thành phố H đã tiến hành kiểm tra xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể đối với Lê Quý K. Kết quả: Dương tính với chất ma túy loại Methamphetamin.

* Tại bản Kết luận giám định hóa pháp số: 342/PY-XNĐH ngày 04/02/2026 của Viện pháp y Quân đội và Thông báo kết luận giám định hóa pháp số 47/26/TBKLGDHP ngày 04/2/2026 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y thành phố Huế, kết luận: *“Tìm thấy các chất ma túy Amphetamin, Methamphetamin trong mẫu máu, nước tiểu của Lê Quý K.”*

Tại bản Cáo trạng số: 54/CT-VKSKV1 ngày 14/5/2026, Viện kiểm sát Nhân dân Khu vực 1 – Huế đã truy tố bị cáo Lê Quý K về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 1 Điều 256a của Bộ luật hình sự năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Quý K phạm tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 256a; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo Lê Quý K từ 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 06/3/2026.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Huế; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Huế; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Trên cơ sở lời khai của bị cáo và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 18/01/2026, tại Tổ dân phố 4X, phường T, thành phố H, Lê Quý K đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy loại Amphetamin và Methamphetamin.

Lê Quý K là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Tại thời điểm kiểm tra, Lê Quý K là đối tượng đang trong thời gian quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú theo Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 04/9/2025 của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H thời hạn quản lý từ ngày 04/9/2025 đến ngày 04/9/2027. Với hành vi nói trên, Lê Quý K đã phạm vào tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 1 Điều 256a của Bộ luật hình sự năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2025. Viện kiểm sát Nhân dân Khu vực 1 – Huế đã truy tố bị cáo Lê Quý K và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét các yếu tố về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy rằng: Bị cáo có nhân thân xấu, không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về biện pháp chấp hành hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Quý K là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố Huế, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo, mới đảm bảo được tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời răn đe, giáo dục phòng ngừa chung, cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống loại tội phạm ma túy. Mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Các vấn đề khác: Đối với đối tượng đưa ma túy cho Lê Quý K sử dụng, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể nên không có cơ sở xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Quý K phạm tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 256a; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; tuyên:

Xử phạt: Bị cáo Lê Quý K 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 06/3/2026.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Lê Quý K phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- VKSND Khu vực 1 – Huế;
- CQĐT Công an thành phố Huế;
- Phòng PV06 Công an Tp Huế;
- CQ THAHS thành phố Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Phương Hồng